

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 22-8-2025
V/v tranh chấp về quyền sở hữu
tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thương.

Bà Vũ Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024, về việc tranh chấp về quyền sở hữu tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (vụ án tiếp nhận từ Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-DS ngày 13 ngày 8 ngày 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Trường M, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vi Thị N, sinh năm 1963. Có mặt.

2. Anh Hoàng Thanh L, sinh năm 1987. Có mặt.

3. Chị Lưu Thị H1, sinh năm 1987. Có mặt.

4. Bà Lục Thị H2, sinh năm 1974. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Lạng Sơn.

5. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh L: Ông Lâm Văn N1 - Viên chức Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực H, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/8/2025). Vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của UBND huyện H là Chủ tịch UBND xã H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND xã H: Bà Lý Thị Kim O - Chuyên viên Phòng Kinh tế xã H, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/7/2025). Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1952. Vắng mặt.

2. Bà Nông Thị S. Vắng mặt.

3. Bà Triệu Thị T, sinh năm 1958. Có mặt.

4. Bà Hoàng Thị T1. Vắng mặt.

5. Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1965. Có mặt.

6. Ông Lý Văn P, sinh năm 1957. Vắng mặt.

7. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1958. Có mặt.

8. Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1970. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Lạng Sơn.

9. Bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

10. Bà Hoàng Thị V1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn V, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

11. Bà Lương Thị N2, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2024, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Xuân H trình bày:

Nguyên đơn ông Hoàng Xuân H và bị đơn ông Hoàng Trường M có quan hệ là chú cháu ruột. Hai bên tranh chấp thửa đất số 105a, tờ bản đồ số 67, diện tích 714m² (sau đây gọi là thửa đất số 105a) địa chỉ thôn T, xã H (nay là xã H), tỉnh Lạng Sơn.

Nguồn gốc thửa đất số 105a là của bố mẹ nguyên đơn cụ Hoàng Văn S1 (chết năm 2004), cụ Lương Thị N3 (chết năm 2013). Khi còn sống bố mẹ đã chia đất cho các anh chị em trong gia đình và đất được chia cho ai thì đã đi kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) không ai thắc mắc gì.

Về quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp, từ năm 1980 đến nay nguyên

đơn là người trực tiếp canh tác thửa đất số 105a, cụ thể hàng năm cấy một vụ lúa, đến tháng chạp thì trồng các loại rau không có tranh chấp với ai, khi ông Hoàng Mạnh T4 bỏ bị đơn còn sống cũng không có tranh chấp. Đến năm 2023 khi đo đạc kiểm đếm đền bù vì toàn bộ thửa đất số 105a vào dự án Khu công nghiệp V, đến lúc đó bị đơn mới cho rằng thửa đất số 105a bị đơn đã được cấp GCNQSDĐ nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Về việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 105a. Sau khi được bố chia đất trong đó có thửa đất đang tranh chấp, tại “BẢNG LIỆT KÊ ĐẤT” do chính tay cụ Hoàng Văn S1 viết đã liệt kê các thửa đất (gồm 25 thửa, trong đó có 21 thửa đất lúa), nguyên đơn đã đi đăng ký và được cấp GCNQSDĐ lần đầu vào năm 1995, sau đó đến năm 1999 thì được cấp đổi GCNQSDĐ số N 830562 do UBND huyện H cấp ngày 10/5/1999, cho ông Hoàng Xuân H, với tổng số 25 thửa đất, tổng diện tích 16.038m².

Từ trước đến nay nguyên đơn là người sử dụng và đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 105a như trình bày ở trên, nhưng không biết tại sao ông Hoàng Trường M vẫn được cấp GCNQSDĐ thửa đất số 105a vào ngày 10/5/1999. Việc ông Hoàng Trường M đi kê khai cấp GCNQSDĐ lúc nào nguyên đơn không biết.

Hiện nay toàn bộ thửa đất số 105a nằm trong dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp V và đã có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, với tổng số tiền 180.227.700 đồng, trong đó: Số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư 52.163.700 đồng của diện tích 244,9 m², anh Hoàng Thanh L (con nguyên đơn) là người đã nhận số tiền này; số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của phần diện tích còn lại 469,1 m² là 128.064.000 đồng. Đối với các quyết định liên quan đến việc thu hồi đất và phương án bồi thường liên quan thửa đất số 105a của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nguyên đơn nhất trí không khiếu nại gì.

Do vậy, nay nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện là được quyền sở hữu toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với thửa đất số 105a, với tổng số tiền 180.227.700 đồng.

Về số tiền 52.163.700 đồng bồi thường diện tích 244,9m² thuộc thửa đất 105a con trai nguyên đơn đã nhận, nguyên đơn không yêu cầu trả lại để anh Hoàng Thanh L được hưởng. Đối với số tiền bồi thường còn lại 128.064.000 đồng phần diện tích 469,1 m² thuộc thửa đất 105a, hiện đang được quản lý tại tài khoản tiền gửi của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh nguyên đơn yêu cầu được chi trả.

Về án phí, nguyên đơn là người cao tuổi nên đề nghị được miễn án phí.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Hoàng Trường M trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội bị đơn cụ Hoàng Văn S1 (chết năm 2004) chia cho bố bị đơn (ông Hoàng Mạnh T4), sau khi bị đơn lấy vợ ra ở riêng năm 1996 thì được bố chia cho nhiều thửa đất trong đó có thửa đất số 105a, đến ngày 10/5/1999 được UBND huyện cấp GCNQSDĐ.

Về quá trình quản lý, sử dụng thửa đất số 105a: Từ khi còn nhỏ bị đơn được

cùng bố mẹ cấy lúa, đến năm 1996 thì được bố chia cho thửa đất số 105a và từ đó hàng năm bị đơn cấy cây làm ruộng. Đến năm 2002 khi bị đơn đang cấy ruộng để cấy lúa thì ông Hoàng Xuân H đến ngăn cấm, chửi bới không cho làm, do vậy từ năm 2002 cho đến nay bị đơn không sử dụng được thửa đất số 105a.

Hiện nay toàn bộ thửa đất số 105a nằm trong dự án Khu công nghiệp V. Đối với các quyết định liên quan đến việc thu hồi đất và phương án bồi thường thửa đất số 105a của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bị đơn nhất trí không khiếu nại gì. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố được quyền sở hữu toàn bộ số tiền 180.227.700 đồng đền bù của thửa đất số 105a.

Tuy nhiên, do nguồn gốc thửa đất số 105a là của ông cha để lại, bị đơn và nguyên đơn có quan hệ chú cháu ruột với nhau, để giữ gìn đoàn kết, tình cảm chú cháu, do vậy tại phiên toà dù thế nào bị đơn cũng tự nguyện mỗi bên được hưởng $\frac{1}{2}$ số tiền đền bù, tương đương bị đơn và nguyên đơn mỗi bên được hưởng 90.113.850 đồng (trong số tiền được hưởng của nguyên đơn bao gồm cả số tiền 52.163.700 đồng mà anh Hoàng Thanh L đã nhận). Về chi phí tố tụng bị đơn cũng tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ chi phí.

Anh Hoàng Thanh L (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về bên nguyên đơn) trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp đúng như bố anh nguyên đơn trình bày. Từ khi còn nhỏ anh được cùng bố mẹ canh tác thửa đất số 105a, đến khi dự án khu công nghiệp V thực hiện đo đạc, kiểm đếm tài sản trên đất để bồi thường thì bị đơn cho rằng thửa đất 105a đã được cấp vào GCNQSDĐ của bị đơn nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Về phần diện tích 244.9 m² thuộc một phần thửa đất 105a, khi đo đạc kiểm đếm để bồi thường thì nằm trong thửa đất số 194, mảnh trích đo TĐ-26, diện tích 4.413m² bị thu hồi đất để thực hiện dự án theo Quyết định số: 1231/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 và được phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định số: 1251/QĐ-UBND ngày 25/03/2024, của UBND huyện H, mang tên hộ ông Hoàng Thanh L. Ngày 28/3/2024, anh Hoàng Thanh L là người nhận toàn bộ số tiền đền bù thu hồi đất 2.272.460.000 đồng theo Quyết định 1251/QĐ-UBND, trong đó có số tiền đền bù của phần diện tích 244.9 m² thuộc thửa đất số 105a là 52.163.700 đồng.

Anh Hoàng Thanh Liên hoàn T5 nhất trí với các quyết định thu hồi đất, quyết định về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu công nghiệp V. Đối với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố, đồng ý chia theo tỷ lệ 8 cho nguyên đơn 2 cho bị đơn.

Người đại diện của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lạng Sơn và người đại diện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, trình bày:

Toàn bộ thửa đất số 105a, nằm trong dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp V. Theo Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm đầu

(năm 2021) của quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh L, về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh L, về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Thửa đất số 105a được thể hiện trong mảnh trích đo số 26-2023 do Trung tâm Tài nguyên và Môi trường tỉnh L đo đạc ngày 20/9/2023, được UBND xã H xác nhận đo vẽ phù hợp với hiện trạng ngày 22/9/2023 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh duyệt ngày 26/9/2023, được thể hiện trên 02 thửa, gồm thửa đất số 194 và thửa đất số 201 cùng thuộc mảnh trích đo số TĐ-26 (*Trích đo đã được niêm yết tại UBND xã H và Nhà văn hóa thôn T6*), cụ thể:

- Đối với thửa đất số 194: Trong quá trình trích đo địa chính để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án. Phần diện tích 244.9m² (thuộc một phần thửa đất số 105a) nằm trên thửa đất số 194, mảnh trích đo TĐ-26, diện tích được phê duyệt Phương án tại Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 25/03/2024 của UBND huyện H, thửa đất số 194, mảnh trích đo TĐ 26, có tổng diện tích 4413,0m² mang tên Hoàng Thanh L và Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của UBND huyện H về việc thu hồi đất để thực hiện Khu công nghiệp V. Số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của phần diện tích 244.9m² là 52.163.700 đồng, trong đó: Bồi thường đất: 11.020.500 đồng; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 30.857.400 đồng; hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất: 10.285.800 đồng. Toàn bộ số tiền 52.163.700 đồng đã được giải ngân cho anh Hoàng Thanh L.

- Đối với thửa đất số 201: Thửa đất số 201, tờ bản đồ trích đo TĐ 26, diện tích 469,1m² (thuộc một phần thửa đất số 105a). Thửa đất trên đã được phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 25/03/2024 của UBND huyện H (Đ, giai đoạn 1) mang tên hộ ông Hoàng Trường M (đang tranh chấp với hộ ông Hoàng Xuân H) và Quyết định thu hồi đất tại Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của UBND huyện H. Số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của phần diện tích 469,1m² là 128.064.000 đồng, trong đó: Bồi thường đất: 26.738.700 đồng; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 75.994.200 đồng; hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất: 25.331.400 đồng.

Do liên quan đến tranh chấp nên số tiền 128.064.000 đồng hiện đang được quản lý tại tài khoản của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh. Sau khi Tòa án giải quyết tranh chấp thì Trung tâm Phát triển quỹ đất sẽ chi trả theo quy định.

Bà Vi Thị N, chị Lưu Thị H1 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về bên nguyên đơn) thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn.

Bà Lục Thị H2 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về bên bị đơn), thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm

nhân dân, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Theo biên bản xác minh có nội dung: *“Tại vị trí thửa đất đang tranh chấp số 105a qua đối chiếu là thửa 336 tờ bản đồ số 1 bản đồ giải thửa năm 1988”*, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án chưa có tài liệu xác minh làm rõ thửa đất 336, tờ bản đồ số 1 bản đồ giải thửa năm 1988 đã được quy chủ giao cho một trong hai bên đương sự chưa, hoặc giao cho ai khác, trường hợp giao cho người khác thì cần đưa người này vào tham gia tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tạm ngừng phiên tòa để xác minh thu thập tài liệu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt đại diện của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lạng Sơn và đại diện Chủ tịch UBND xã H cùng một số người làm chứng. Xét thấy, những người vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt hoặc được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và các đương sự đề nghị tiếp tục xét xử, do vậy căn cứ Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, nguyên đơn yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp thửa đất số 105a, tờ bản đồ số 67, diện tích 714m² và buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật nên Tòa án đã thụ lý và xác định quan hệ là tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật. Nhưng do toàn bộ thửa đất số 105a nằm trong dự án Khu công nghiệp V và đã có quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, với tổng số tiền 180.227.700 đồng. Do vậy, quá trình giải quyết nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện, bị đơn xác định yêu cầu phản tố là được quyền sử hữu toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư 180.227.700 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là: *“Tranh chấp về quyền sở hữu tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”*, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Các bên tranh chấp quyền sở hữu tiền bồi thường thửa đất số 105a, do vậy phải xem xét ai là người có quyền quản lý, sử dụng hợp pháp thửa đất số 105a để làm căn cứ được nhận số tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

[4] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định được diện tích đất các bên yêu cầu được quyền quản lý hợp pháp là thửa đất số 105a, tờ bản đồ số 67, diện tích 714m² toàn bộ thửa đất số 105a nằm trong dự án Khu công nghiệp V, thửa đất số 105a đã bị thu hồi theo Quyết định số: 1231/QĐ-UBND và Quyết định số: 1236/QĐ-UBND cùng ngày 25/3/2024 của UBND huyện H, và được phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định số: 1251/QĐ-UBND ngày 25/03/2024, của UBND huyện H, với tổng số tiền đền bù 180.227.700 đồng.

[5] Về nguồn gốc thửa đất số 105a, theo lời khai của các bên đương sự thì đất tranh chấp có nguồn gốc của ông cha, do đó đây là tình tiết, sự kiện không

phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về quá trình quản lý, sử dụng thửa đất số 105a: Theo lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn và người làm chứng do nguyên đơn yêu cầu thì thửa đất số 105a do gia đình nguyên đơn canh tác sử dụng từ những năm 1980 đến nay. Còn theo lời khai của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn và người làm chứng do bị đơn yêu cầu thì thửa đất số 105a, từ nhỏ bị đơn được cùng bố cấy lúa, từ năm 1990 - 1995 bố bị đơn cho bà Lương Thị N2 mượn để trồng lúa, từ năm 1996 - 2002 bị đơn canh tác sử dụng liên tục, năm 2002 khi đang cày ruộng thì nguyên đơn ngăn cấm, chửi bới nên từ đó cho đến nay nguyên đơn là người sử dụng thửa đất số 105a.

[7] Ngoài lời khai hai bên đương sự đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, tuy nhiên lời khai của phía bị đơn phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Hoàng Thị D, ông Lý Văn P, bà Hoàng Thị V là hàng xóm không có quan hệ thân thích với hai bên đương sự và có ruộng ở gần với thửa đất số 105a, phù hợp với Biên bản xác minh ngày 17/02/2025 (Bút lục số 72, 73), phù hợp với thông tin của ông Lành Mạnh H3 nguyên Bí thư Đoàn thanh niên xã H cũ được tham gia hoà giải tranh chấp đất đai năm 2002 (Bút lục số 82, 83), nên có cơ sở xác định quá trình quản lý, sử dụng thửa đất số 105a, như sau: Trong khoảng những năm 1980 bố bị đơn là người sử dụng thửa đất số 105a, từ năm 1990 - 1995 bố bị đơn cho bà Lương Thị N2 mượn để trồng lúa, từ năm 1996 - 2002 bị đơn là người trực tiếp sử dụng thửa đất số 105a, năm 2002 khi bị đơn đang cày ruộng thì nguyên đơn ngăn cấm, hai bên xảy ra tranh chấp và từ đó cho đến nay nguyên đơn là người sử dụng thửa đất số 105a.

[8] Xét về việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 105a: Như nhận định tại đoạn [7] ở trên bị đơn là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất 105a liên tục từ năm 1996 - 2002 (trước đó bố bị đơn quản lý, sử dụng), như vậy, tại thời điểm cấp GCNQSDĐ ngày 10/5/1999, bị đơn là người trực tiếp sử dụng đất, do đó việc cấp GCNQSDĐ cho bị đơn là đúng đối tượng. Hơn nữa, tại thời điểm cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 105a cho bị đơn, thì cùng tại thời điểm này nguyên đơn đi kê khai làm thủ tục và được cấp GCNQSDĐ với tổng số 25 thửa đất, tổng diện tích 16.038m² và trước đó năm 1995 nguyên đơn làm đơn kê khai cấp GCNQSDĐ nhưng cũng không có thửa đất số 105a. Do vậy, việc nguyên đơn trình bày được bố chia thửa đất số 105a tại “BẢNG LIỆT KÊ ĐẤT” và nguyên đơn đi kê khai được cấp GCNQSDĐ lần đầu vào năm 1995, sau đó đến năm 1999 thì được cấp đổi, là không có căn cứ. Như vậy, việc cấp GCNQSDĐ ngày 10/5/1999 cho bị đơn là đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 2, các Điều 24, 36, 73 Luật Đất đai năm 1993 và các quy định tại Thông tư số: 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998, của T7.

[9] Như vậy, việc cấp GCNQSDĐ ngày 10/5/1999 cho bị đơn là đúng theo pháp luật đất đai tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, nên bị đơn là người có quyền quản lý, sử dụng hợp pháp thửa đất số 105a. Việc nguyên đơn sử dụng thửa đất số 105a từ năm 2002 đến nay là không có căn cứ pháp luật và việc sử dụng đất của nguyên

đơn cũng chưa đủ 30 năm liên tục, để xem xét xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu quy định tại Điều 236 Bộ luật Dân sự 2015.

[10] Tại thời điểm thu hồi thửa đất số 105a, tờ bản đồ số 67, diện tích 714m² để thực hiện dự án Khu công nghiệp V, thì thực hiện theo Luật Đất đai năm 2013. Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, thì điều kiện để được bồi thường về đất khi thu hồi đất là có GCNQSDĐ. Như nhận định ở trên thửa đất số 105a nguyên đơn không có GCNQSDĐ, tại thời điểm thu hồi đất nguyên đơn là người sử dụng thửa đất số 105a nhưng việc sử dụng đất là không có căn cứ pháp luật nên nguyên đơn không đủ điều kiện để được bồi thường.

[11] Từ những phân tích, lập luận ở trên, xét thấy nguyên đơn khởi kiện được sở hữu số tiền 180.227.700 đồng đền bù thửa đất số 105a khi thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghiệp V, là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[12] Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Xét thấy như phân tích, lập luận tại các đoạn [7], [8], [9], [10] ở trên, việc cấp GCNQSDĐ ngày 10/5/1999 cho bị đơn là đúng pháp luật nên bị đơn là người có quyền quản lý, sử dụng hợp pháp thửa đất số 105a, khi thu hồi thửa đất số 105a để thực hiện dự án Khu công nghiệp V, thì bị đơn là người đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, do vậy yêu cầu phản tố của bị đơn được sở hữu 180.227.700 đồng, tiền đền bù thửa đất số 105a là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Tại phiên tòa bị đơn trình bày thửa đất số 105a có nguồn gốc của ông cha để lại, bị đơn và nguyên đơn có quan hệ chú cháu, để giữ gìn đoàn kết, tình cảm chú cháu, dù thế nào bị đơn cũng tự nguyện mỗi bên hưởng ½ số tiền đền bù, tương đương bị đơn và nguyên đơn mỗi bên được hưởng 90.113.850 đồng. Xét thấy, mặc dù nguyên đơn không đồng ý nhưng đây là sự tự nguyện của bị đơn, sự tự nguyện này không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, do đó để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn và anh Hoàng Thanh L Hội đồng xét xử chấp nhận, trường hợp nguyên đơn và anh Hoàng Thanh L không đồng ý nhận số tiền này thì vẫn có quyền yêu cầu hoặc không yêu cầu thi hành án, theo các quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[14] Đối với việc anh Hoàng Thanh L là người nhận 52.163.700 đồng, tiền đền bù diện tích 244.9 m² thuộc một phần thửa đất số 105a, do yêu cầu phản tố được chấp nhận nên anh Hoàng Thanh L phải hoàn trả lại cho bị đơn. Tuy nhiên như nhận định tại đoạn [13] ở trên, nguyên đơn được hưởng ½ số tiền đền bù tương đương 90.113.850 đồng, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho anh Hoàng Thanh L được hưởng số tiền này mà không yêu cầu trả lại. Do vậy, sau khi trừ đi số tiền 52.163.700 đồng anh Hoàng Thanh L đã nhận, nguyên đơn còn được hưởng số tiền 37.950.150 đồng.

[15] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Nguyên đơn là người nộp tiền tạm ứng chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ với tổng số tiền 12.011.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên căn cứ Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, tuy nhiên bị

đơn tự nguyện chịu ½ chi phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận và bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn theo Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[16] Về nghĩa vụ chịu án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Xét thấy, về yêu cầu phản tố do phải xác định quyền sở hữu số tiền bồi thường thửa đất số 105a nên nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương đương số tiền 4.505.000 đồng, theo điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, nguyên đơn là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[17] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị tạm ngừng phiên tòa theo điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ. Xét thấy, tại thời điểm cấp GCNQSDĐ ngày 10/5/1999, bị đơn là người trực tiếp sử dụng thửa đất số 105a, do đó việc cấp GCNQSDĐ cho bị đơn là đúng đối tượng; mặt khác quá trình thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp V, là công khai mọi người dân đều biết, tại biểu chi tiết phương án bồi thường kèm theo Quyết định số: 1251/QĐ-UBND ngày 25/03/2024 của UBND huyện H, đã xác định việc tranh chấp chỉ có giữa hai bên đương sự; ngoài ra Tòa án đã tiến hành xác minh nhiều lần nhưng thửa đất 336, tờ bản đồ số 1 bản đồ giải thửa năm 1988 trong hồ sơ địa chính không thể hiện ai là chủ sử dụng nên nội dung này không đưa vào biên bản xác minh. Do vậy, việc thu thập tài liệu, chứng cứ là đã đầy đủ, yêu cầu của Kiểm sát viên là không cần thiết, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị tạm ngừng phiên tòa. Kiểm sát viên tại phiên tòa không phát biểu về đường lối giải quyết vụ án, là chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 58 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[18] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 2; Điều 24; Điều 36; Điều 73 Luật Đất đai năm 1993 và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ vào Điều 8; Điều 158; Điều 160; Điều 163; Điều 166; Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Hoàng Xuân H không được quyền sở hữu số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của thửa đất số 105a, tờ bản đồ số 67, diện tích 714m², với tổng số tiền 180.227.700 đồng (một trăm tám mươi triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm đồng).

2. Về yêu cầu phản tố của bị đơn, chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn:

2.1. Ông Hoàng Trường M được quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của thửa đất số 105a, với số tiền 90.113.850 đồng (chín mươi triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm năm mươi đồng).

2.2. Ông Hoàng Xuân H được quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của thửa đất số 105a, với số tiền 90.113.850 đồng (chín mươi triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm năm mươi đồng). Xác nhận anh Hoàng Thanh L đã nhận số tiền 52.163.700 đồng, sau khi trừ đi số tiền anh Hoàng Thanh L đã nhận, ông Hoàng Xuân H còn được sở hữu số tiền 37.950.150 đồng (ba mươi bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn một trăm năm mươi đồng).

Toàn bộ số tiền 128.064.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi tư nghìn đồng), đang được quản lý tại tài khoản tiền gửi của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh L.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Ông Hoàng Xuân H phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 6.005.500 đồng (sáu triệu không trăm linh năm nghìn năm trăm đồng). Xác nhận ông Hoàng Xuân H đã nộp đủ số tiền 6.005.500 đồng.

3.2. Ông Hoàng Trường M tự nguyện chịu 6.005.500 đồng (sáu triệu không trăm linh năm nghìn năm trăm đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Hoàng Trường M phải hoàn trả số tiền 6.005.500 đồng (sáu triệu không trăm linh năm nghìn năm trăm đồng) cho ông Hoàng Xuân H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Nguyên đơn ông Hoàng Xuân H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Ông Hoàng Trường M phải chịu 4.505.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, tại tài khoản 3949.0.1054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc nhà nước Khu vực V2 - Phòng nghiệp vụ 2. Sau khi khấu trừ ông Hoàng Trường M còn phải nộp tiếp 4.205.000 đồng (bốn triệu hai trăm linh năm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản

án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn